

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 01/8/2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM.

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Sơn và ông Ngô Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo— Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê
Kim Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm
2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Bị đơn: Ông Trần Công T1, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã DT, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện lập ngày 04 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải
quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn
vào năm 2009 tại UBND xã DT. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T1 không lo làm ăn, cờ bạc, thường xuyên uống rượu

về gây chuyện, ghen tuông mù quáng. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng vì con cái nên bà rút đơn về. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị được ly hôn với ông Trần Công T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/11/2009 và Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/10/2013. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý số 90/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 cho ông Trần Công T1 bằng hình thức niêm yết công khai theo đúng trình tự thủ tục.

Hết thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 BLTTDS ông Trần Công T1 không có văn bản trả lời ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như văn bản xin gia hạn thời hạn trả lời theo quy định.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù ông T1 có mặt tại địa phương và Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Trần Công T1 không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định.

Vì vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn không tham gia, không chấp hành các quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T ly hôn với ông T1. Giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện, bản tự khai của bà T
- Bản chính giấy đăng ký kết hôn, 2 bản sao giấy khai sinh
- Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng.
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn. Ông Trần Công T1 không trả lời ý kiến và tham gia giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Trần Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy T1 vào năm 2009 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vẫn cố tình trốn tránh, không tham dự các buổi hòa giải thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không có thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên nguyện vọng ly hôn và thừa nhận không còn tình cảm với ông T1. Xét thấy ông T1 đã có hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của ông bà rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/11/2009 và Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/10/2013.

Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Ông T1 không chứng minh được điều kiện nuôi con và không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con. Bà T hiện đang có việc làm và thu nhập ổn định, có nguyện vọng nuôi cả hai con, nên giao 2 con cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công T1.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 cháu Trần Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/11/2009 và Trần Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/10/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các T1 viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1991 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/8/2022). Ông Trần Công T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qnam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã DT.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám